

Chi tiết mã HS 9706.10.00

Mã HS	9706.10.00
Mô tả hàng hóa	Đồ cổ có tuổi trên 100 năm / - Có tuổi trên 250 năm
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 08:18:14
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/97061000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K19049
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N19049
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q19049
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18318
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18247
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18247
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18247
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18247
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18247
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18247
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18303
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18303

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18303
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18303
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18303
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18303
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18304
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18304
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18304
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18304
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18304
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18304
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18309
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18266
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18261
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18261
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18261
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18261
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18261
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18261
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18309
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18309
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18309
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18309
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18309
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18309
VCFTA	2022	2022	0	VC!D18373
VCFTA	2023	2023	0	VC!E18373

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18373
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18373
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18373
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18373
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18347
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18347
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18347
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18347
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18347
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18347
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18340
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18340
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18340
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18340
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18340
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18340
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D18370
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18370
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18370
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18370
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18370
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18370
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D18369
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18369
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18369
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18369
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18369
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18463
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18463
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18463
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18463
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18463
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18463
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18463
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18334
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18334
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18334
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18334
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18334
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18334
RCEP B	2022	2022	0	B!D18334
RCEP B	2023	2023	0	B!E18334
RCEP B	2024	2024	0	B!F18334
RCEP B	2025	2025	0	B!G18334
RCEP B	2026	2026	0	B!H18334
RCEP B	2027	2027	0	B!I18334
RCEP C	2022	2022	0	C!D18332
RCEP C	2023	2023	0	C!E18332
RCEP C	2024	2024	0	C!F18332
RCEP C	2025	2025	0	C!G18332
RCEP C	2026	2026	0	C!H18332

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I18332
RCEP D	2022	2022	0	D!D18331
RCEP D	2023	2023	0	D!E18331
RCEP D	2024	2024	0	D!F18331
RCEP D	2025	2025	0	D!G18331
RCEP D	2026	2026	0	D!H18331
RCEP D	2027	2027	0	D!I18331
RCEP E	2022	2022	0	E!D18336
RCEP E	2023	2023	0	E!E18336
RCEP E	2024	2024	0	E!F18336
RCEP E	2025	2025	0	E!G18336
RCEP E	2026	2026	0	E!H18336
RCEP E	2027	2027	0	E!I18336
RCEP F	2022	2022	0	F!D18334
RCEP F	2023	2023	0	F!E18334
RCEP F	2024	2024	0	F!F18334
RCEP F	2025	2025	0	F!G18334
RCEP F	2026	2026	0	F!H18334
RCEP F	2027	2027	0	F!I18334
VIFTA	2024	2024	0	VI!F17179
VIFTA	2025	2025	0	VI!G17179
VIFTA	2026	2026	0	VI!H17179
VIFTA	2027	2027	0	VI!I17179

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9706.10.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9706.10.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bằng tương quan mã cũ-mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9706.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9706.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N19049), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.